

Bản án số: 1628/2025/DS-ST

Ngày: 24-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Châu
2. Ông Vương Tấn Độ

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2025/TLST – DS ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 669/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 723/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H; Địa chỉ: số X đường B.T.X, phường B.T (tên cũ: phường B.T, Quận X), Thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông H.K.T; Địa chỉ: số X Đường số Y, KDC V.L, phường B.T (tên cũ: phường B.H.H.B, quận B.T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* bà N.T.T.T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: số X đường T.L, khu phố Y, phường B.T, Thành phố H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà H.T.T.V, sinh năm 19xx; Địa chỉ: số X đường T.L, khu phố Y, phường B.T, Thành phố H.

(nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của đương sự tại phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/8/2020 Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H - Chi nhánh B.T đã ký hợp đồng liên kết số 079/20/LK-BT với Tổ Hợp Tác Khu Phố X, phường B.T.Đ.A, quận B.T, Thành phố H để làm Cấp liên nhiệm cho Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H - Chi nhánh B.T. Bà N.T.L - là người đại diện cho Tổ Hợp Tác Khu Phố X, phường B.T.Đ.A, quận B.T, Thành phố H ký Hợp đồng liên kết với Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H - Chi nhánh B.T. Mục đích là hỗ trợ vốn cho các hộ dân thuộc Tổ Hợp Tác Khu Phố X, phường B.T.Đ.A, quận B.T, Thành phố H để chăn nuôi, sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, mua bán nhỏ,...theo sự giới thiệu và đề nghị của Cấp liên nhiệm.

Thông qua Hợp đồng này Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H - Chi nhánh B.T đã tiến hành trợ vốn cho 09 thành viên vào ngày 17/11/2023 (có danh sách ký nhận tiền đính kèm), phương thức trợ vốn: góp hàng tháng, thời hạn trợ vốn là 12 tháng, phí trợ vốn CCM là 0,7%/tháng (phí này dùng trang trải chi phí hoạt động nội bộ của quỹ CCM - gọi tắt là phí CCM), phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm là 0,15%/tháng (phí này để Cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí, tiết kiệm cho Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H - gọi tắt là phí CLN), tiết kiệm bắt buộc là 1.00%/tháng (khoảng tiết kiệm này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này).

Trong đợt trợ vốn ngày 17/11/2023, bà N.T.T.T đã làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn số tiền 40.000.000 đồng. Theo kế hoạch thì bà N.T.T.T phải góp hàng tháng là 4.200.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối góp 2.680.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 17/11/2024. Thế nhưng bà N.T.T.T không góp đúng theo kế hoạch ban đầu.

Tính đến ngày 28/4/2025, bà T đã thanh toán được số tiền 25.200.000 đồng (gồm 20.760.000 đồng gốc và 2.040.000 đồng lãi, tiền tiết kiệm tích lũy tính đến ngày 28/4/2025 là 7.200.000 đồng)

Đến ngày 28/4/2025 bà N.T.T.T vẫn chưa hoàn trả số nợ cho Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H - Chi nhánh B.T. Tiền tiết kiệm tích lũy của thành viên tính đến ngày 28/4/2025 là 7.200.000 đồng. Tổng số tiền nợ sau khi trừ tiền tiết kiệm tích lũy là 14.080.000 đồng (gồm nợ vốn là 12.040.000 đồng, Nợ lãi (phí) là 2.040.000 đồng, không tính tiết kiệm còn phải thu 2.400.000 đồng).

Tại Toà án, nguyên đơn yêu cầu Toà án: buộc bà N.T.T.T có trách nhiệm phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố

H, tổng số tiền là 14.080.000 đồng (trong đó nợ gốc là 12.040.000 đồng, lãi là 2.040.000 đồng, không tính tiết kiệm còn phải thu 2.400.000 đồng). Nếu bà N.T.T.T không có khả năng trả nợ thì đề nghị bà H.T.T.V phải trả nợ thay bà N.T.T.T khoản nợ trên.

Bị đơn bà N.T.T.T: vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H.T.T.V trình bày: Bà V là mẹ ruột của bà N.T.T.T (sinh năm 19xx; Địa chỉ: số X đường T.L, khu phố Y, phường B.T, Thành phố H). Bà V xác nhận bà T có vay vốn của Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H (sau đây gọi tắt là Quỹ CCM) theo Đơn đề nghị trợ vốn ngày 17/10/2023 với số tiền 40.000.000 đồng. Bà T đã nhận được số tiền 40.000.000 đồng từ Quỹ CCM.

Bà T cũng đã thanh toán được cho Quỹ CCM số tiền 25.200.000 đồng (gồm 20.760.000 đồng gốc và 2.040.000 đồng lãi, tiền tiết kiệm tích lũy tính đến ngày 28/4/2025 là 7.200.000 đồng).

Bà V xác nhận có ký vào Đơn đề nghị trợ vốn ngày 17/10/2023 của bà T để bảo đảm trả nợ thay cho bà T.

Bà V xác nhận bà T còn nợ Quỹ CCM tính đến ngày 20/6/2024 là 14.080.000 đồng (gốc là 12.040.000 đồng, lãi là 2.040.000 đồng, không tính tiết kiệm)

Nay bà V đồng ý trả cho Quỹ CCM mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ mà bà T còn nợ Quỹ CCM. Bà V sẽ chuyển khoản vào tài khoản số 0501000178514 tại Ngân hàng V - CN B.S.G của Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã Thành phố H - chi nhánh B.T với nội dung: thanh toán khoản vay N.T.T.T 1981.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng, hòa giải, phiên họp thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, thủ tục phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T phải trả cho Quỹ CCM tổng số tiền là 12.580.000 đồng (gồm 12.040.000 đồng tiền nợ gốc; 2.040.000 đồng tiền lãi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Quỹ CCM khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là bà N.T.T.T; bị đơn có địa chỉ tại phường B.T, Thành phố H. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà N.T.T.T không đến tòa để trình bày ý kiến, tham dự hòa giải cũng như phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ kiện. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bị đơn là bà N.T.T.T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp cũng như sự thừa nhận của bà H.T.T.V thì có cơ sở xác định bà N.T.T.T có vay của Quỹ CCM số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã trả cho Quỹ CCM số tiền gốc là 20.760.000 đồng và thu được số tiền tiết kiệm là 7.200.000 đồng, Quỹ CCM tự nguyện căn trừ số tiền tiết kiệm này vào số tiền nợ gốc mà bà T còn nợ nên số tiền nợ gốc bà T còn nợ Quỹ CCM là 12.040.000 đồng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc đã được các bên thỏa thuận trong Đơn đề nghị trợ vốn ngày 17/10/2023 nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Quỹ CCM, buộc bà N.T.T.T phải trả cho Quỹ CCM số tiền nợ gốc là 12.040.000 đồng.

Về tiền lãi, phí: xét trong việc thực hiện Đơn đề nghị trợ vốn ngày 17/10/2023, bà T là bên vi phạm, không trả lãi, phí đúng hạn quy định tại Đơn đề nghị trợ vốn ngày 17/10/2023. Và bà T chưa thanh toán số tiền lãi là 2.040.000 đồng, đây là số tiền lãi cố định đã được hai bên thoả thuận và thống nhất theo quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà T phải trả cho Quỹ CCM tiền lãi, phí là 2.040.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng bà T phải trả cho Quỹ CCM tổng số tiền nợ là 12.580.000 đồng (gồm 12.040.000 đồng tiền nợ gốc; 2.040.000 đồng tiền lãi).

[2.2.] Mặc khác, bà H.T.T.V đã cam kết tại Đơn đề nghị trợ vốn ngày 17/10/2023 về việc thực hiện nghĩa vụ trả thay (nếu bà N.T.T.T không trả được) và cũng đã thừa nhận tại Toà. Do đó, căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H.T.T.V trả cho Quỹ CCM số tiền mà bà N.T.T.T còn nợ Quỹ CCM trong trường hợp bà N.T.T.T không có khả năng thanh toán đủ số tiền nợ gốc và tiền lãi, phí cho Quỹ CCM.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: bà N.T.T.T phải chịu án phí sơ thẩm là 629.000 đồng do phải trả cho Quỹ CCM số tiền là 12.580.000 đồng. Quỹ CCM không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 26, 35, 39, 91, 92, 217, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 323, 335, 336, 339, 342, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H đối với bà N.T.T.T:

Buộc bà N.T.T.T phải trả cho Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H số tiền còn nợ của Đơn đề nghị trợ vốn ngày 17/10/2023, với tổng số tiền là 12.580.000 đồng (gồm 12.040.000 đồng tiền nợ gốc và 2.040.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà N.T.T.T còn phải thanh toán cho Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

Thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Trường hợp bà N.T.T.T không trả khoản nợ nêu trên cho Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H thì bà H.T.T.V có nghĩa vụ trả khoản nợ trên của bà N.T.T.T tại Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H theo Đơn đề nghị trợ vốn ngày 17/10/2023.

3. Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N.T.T.T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 629.000 đồng (sáu trăm, hai mươi chín nghìn đồng).

Hoàn lại cho Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 352.000 (ba trăm năm mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0077649 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Án sơ thẩm xử công khai. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV9 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh

